



BỘ TƯ PHÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 04 tháng 5 năm 2026

BÁO CÁO

NGHIÊN CỨU KINH NGHIỆM HÒA GIẢI Ở CƠ SỞ CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA TRÊN THẾ GIỚI

Để phục vụ cho việc nghiên cứu, xây dựng dự án Luật Hòa giải ở cơ sở (sửa đổi), Bộ Tư pháp đã tổ chức thu thập, dịch thuật, nghiên cứu và tổng hợp một số thông tin về hoạt động hòa giải nhân dân, hòa giải cộng đồng của một số nước trên thế giới nhằm đánh giá những điểm tiến bộ, hiện đại trong quy định pháp luật của các nước trong lĩnh vực hòa giải; cung cấp cơ sở để nghiên cứu, tham khảo vận dụng phù hợp với đặc điểm hệ thống chính trị và điều kiện kinh tế - xã hội của Việt Nam.

Kết quả nghiên cứu quy định pháp luật của 03 quốc gia trên thế giới (bao gồm: Trung Quốc, Singapore, Sri Lanka).

Nghiên cứu kinh nghiệm các nước cho thấy, tùy thuộc vào đặc điểm của thể chế chính trị, tổ chức bộ máy nhà nước, đặc biệt là tổ chức, hoạt động của Chính phủ, công tác hòa giải ở cơ sở của mỗi nước có những điểm đặc thù riêng phù hợp với thể chế chính trị, đặc điểm văn hóa, xã hội và dân cư. Các nội dung này bao gồm: cơ chế lựa chọn và trách nhiệm của đội ngũ hoà giải viên ở cơ sở; phạm vi tham gia và quyền lợi của người được mời tham gia hòa giải ở cơ sở, giá trị pháp lý của kết quả hòa giải thành; ứng dụng công nghệ thông tin trong hòa giải ở cơ sở; trách nhiệm của cơ quan, tổ chức trong công tác hoà giải ở cơ sở. Qua nghiên cứu cho thấy, phần lớn các quốc gia đều có các luật riêng hoặc các văn bản định hướng hoạt động hòa giải ở cơ sở, bảo đảm cho hoạt động hòa giải được quản lý thống nhất, triển khai thực hiện thông suốt và kịp thời giải quyết các mâu thuẫn diễn ra tại cộng đồng.

I. HÒA GIẢI NHÂN DÂN TRUNG QUỐC

1. Khái quát về hòa giải nhân dân Trung Quốc

Hòa giải nhân dân diễn ra thường xuyên ở các thị trấn và làng mạc tại Trung Quốc. Các hòa giải viên có vai trò quan trọng, giúp hệ thống tư pháp địa phương không bị quá tải. Ở cấp thôn, các thành viên được kính trọng trong cộng đồng như Trưởng làng... giải quyết xung đột, đồng thời giáo dục người dân về luật pháp và vai trò của pháp luật trong xã hội¹.

¹ Ding Wei, "Cải cách các tòa án cơ sở và việc áp dụng pháp luật ở nông thôn Trung Quốc" Quan điểm Trung Quốc tập 61 (2005):7.

Về tổ chức và quản lý, Trung Quốc có hệ thống chính quyền đa tầng với nhiều cấp bậc, từ cấp thôn, xã đến cấp tỉnh. Các Ủy ban hòa giải nhân dân địa phương chịu sự quản lý của chính quyền nhân dân cấp huyện; định kỳ báo cáo kết quả hoạt động cũng như cơ cấu nhân sự của Ủy ban. Ở cấp thôn, các thành viên Ủy ban được người dân bầu chọn và phục vụ nhiệm kỳ ba năm, có quyền tái tranh cử. Các thành viên Ủy ban có thể đóng vai trò là người hòa giải và cũng có thể chỉ định các cá nhân làm người hòa giải. Về cơ bản, các quy định của Luật Hòa giải nhân dân Trung Quốc tương đồng với Luật Hòa giải ở cơ sở của Việt Nam.

Hiến pháp nước Cộng hòa Nhân dân Trung Quốc quy định về việc thiết lập hệ thống hòa giải nhân dân thông qua các Ủy ban dân cư và Ủy ban dân làng². Theo đó, các tổ chức tự quản này có trách nhiệm thành lập những ban chuyên trách về hòa giải nhân dân, an ninh công cộng và y tế nhằm thực hiện các chức năng gồm quản lý công việc chung, cung ứng dịch vụ xã hội tại địa bàn, hòa giải tranh chấp dân sự và duy trì trật tự công cộng. Đồng thời, các Ủy ban này đóng vai trò cầu nối trong việc tiếp nhận ý kiến, nguyện vọng của cư dân để kiến nghị lên chính quyền nhân dân các cấp. Tổ chức thực hiện nhiệm vụ hòa giải chuyên trách trong hệ thống này được gọi là Ủy ban hòa giải nhân dân.

2. Một số quy định cụ thể trong Luật Hòa giải nhân dân Trung Quốc và các văn bản liên quan đến hoạt động hòa giải nhân dân

2.1. Cơ chế lựa chọn và trách nhiệm của đội ngũ hòa giải viên nhân dân

Hòa giải viên nhân dân hoạt động tại Ủy ban hòa giải nhân dân. Một ủy ban hòa giải nhân dân bao gồm từ 03 đến nhiều nhất là 09 thành viên, trong đó có các thành viên nữ và trong một khu vực dân cư đa sắc tộc thì phải có thành viên của nhóm dân tộc thiểu số.

a) Cơ chế lựa chọn đội ngũ hòa giải viên

Hòa giải viên nhân dân của Hội đồng thôn hoặc vùng lân cận sẽ được lựa chọn tại cuộc họp thôn của các đại diện trong thôn hoặc cuộc họp tổ dân cư. Hòa giải viên của Ủy ban hòa giải nhân dân thuộc tổ chức kinh tế hay học viện công sẽ được lựa chọn trong cuộc họp đại diện cán bộ, nhân viên hoặc bởi công đoàn của tổ chức đó³.

b) Quyền của hòa giải viên

Thứ nhất, về việc đào tạo, bồi dưỡng, các cơ quan hành chính tư pháp trực thuộc các chính quyền nhân dân cấp xã cung cấp hoạt động đào tạo, nâng cao năng lực thường xuyên cho các hòa giải viên nhân dân.

² Điều 111 Hiến pháp nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa năm 1982 được sửa đổi năm 1988, 1993, 1999, 2004, 2018.

³ Điều 9 Luật Hòa giải nhân dân của nước Cộng hòa Nhân dân Trung Quốc năm 2010 truy cập tại: <https://www.gjxfj.gov.cn/gjxfj/xxgk/fgwj/flfg/webinfo/2016/03/1460585589954942.htm>

Thứ hai, về quyền được trợ cấp, nhận hỗ trợ của hòa giải viên, các hòa giải viên nhân dân sẽ được nhận trợ cấp cho thời gian thực hiện việc hòa giải. Trong trường hợp hòa giải viên nhân dân bị thương hoặc bị tàn tật trong quá trình thực hiện công tác hòa giải, chính quyền nhân dân địa phương cung cấp tất cả những trợ giúp cần thiết liên quan đến chăm sóc y tế và sinh sống của cá nhân đó. Trong trường hợp hòa giải viên nhân dân chết do thực hiện công tác hòa giải, vợ/chồng và các con của cá nhân đó sẽ được nhận đền bù và chăm sóc ưu đãi theo như các điều khoản luật liên quan của nhà nước⁴.

Thứ ba, các hòa giải viên nhân dân có thể áp dụng nhiều biện pháp khác nhau để hòa giải mâu thuẫn giữa các bên trên cơ sở các tình huống thực tế của mâu thuẫn, lắng nghe các lời trình bày của các bên liên quan, giải thích các luật lệ, quy định và chính sách thích hợp của nhà nước, kiên nhẫn thuyết phục các bên liên quan, đề xuất các giải pháp trên cơ sở thỏa thuận bình đẳng và sự hiểu biết giữa các bên liên quan, và giúp các bên đạt được một thỏa thuận hòa giải trên cơ sở tự do ý chí của họ⁵.

Thứ tư, dựa trên nhu cầu hòa giải một mâu thuẫn hay tranh chấp, với sự đồng ý của các bên liên quan, hòa giải viên có thể mời họ hàng, hàng xóm hay đồng nghiệp của các bên liên quan, những người với những kiến thức, kinh nghiệm chuyên môn và những cá nhân từ các tổ chức xã hội liên quan tham gia vào quá trình hòa giải⁶.

c) Nghĩa vụ của hòa giải viên

Thứ nhất, trường hợp hòa giải viên nhân dân vi phạm một trong những hành động sau trong quá trình tiến hành công tác hòa giải, Ủy ban hòa giải nhân dân nơi cá nhân đó công tác sẽ phê bình, giáo dục và yêu cầu cá nhân đó sửa chữa vi phạm của mình; nếu vi phạm nghiêm trọng, tổ chức pháp nhân giới thiệu hoặc bổ nhiệm cá nhân đó sẽ sa thải cá nhân này khỏi vị trí hay công việc hòa giải, cụ thể: (i) Thiên vị một bên mâu thuẫn hay tranh chấp; (ii) Lắng nghe một bên mâu thuẫn hay tranh chấp; (iii) Đòi hỏi hoặc nhận tiền hay hiện vật, hay vì những tư lợi trái pháp luật khác; (iv) Tiết lộ bí mật cá nhân hoặc bí mật thương mại của một bên liên quan⁷.

Thứ hai, trong quá trình hòa giải mâu thuẫn hay tranh chấp giữa các bên, các hòa giải viên nhân dân sẽ tuân theo các nguyên tắc, đưa ra các quy định pháp luật và mang lại công bằng cho các bên liên quan⁸.

Thứ ba, các hòa giải viên nhân dân sẽ áp dụng những biện pháp phòng ngừa thích hợp nếu mâu thuẫn hay tranh chấp có khả năng trở nên trầm trọng hơn trong quá trình tiến hành hòa giải và báo cáo kịp thời cho tổ chức an ninh địa phương hoặc

⁴ Điều 16 Luật Hòa giải nhân dân của nước Cộng hòa Nhân dân Trung Quốc năm 2010

⁵ Điều 22 Luật Hòa giải nhân dân của nước Cộng hòa Nhân dân Trung Quốc năm 2010

⁶ Điều 20 Luật Hòa giải nhân dân của nước Cộng hòa Nhân dân Trung Quốc năm 2010

⁷ Điều 15 Luật Hòa giải nhân dân của nước Cộng hòa Nhân dân Trung Quốc năm 2010

⁸ Điều 21 Luật Hòa giải nhân dân của nước Cộng hòa Nhân dân Trung Quốc năm 2010

các cơ quan chức năng khác nếu mâu thuẫn hoặc tranh chấp có thể trở thành một vụ xâm hại an ninh công cộng hay một vụ án hình sự⁹.

Thứ tư, nếu mọi nỗ lực hòa giải thất bại, các hòa giải viên nhân dân sẽ kết thúc quá trình hòa giải và theo luật lệ, các quy định liên quan, thông báo cho các bên liên quan rằng họ có thể bảo vệ quyền lợi của mình thông qua hoạt động trọng tài, các biện pháp giải quyết hành chính hoặc các biện pháp giải quyết tư pháp¹⁰.

Thứ năm, các hòa giải viên nhân dân ghi chép lại quá trình hòa giải. Ủy ban hòa giải nhân dân sẽ tạo lập các hồ sơ dành cho công tác hòa giải và các tài liệu đăng ký hòa giải, các bản ghi chép và báo cáo hòa giải, các bản thỏa thuận hòa giải vào trong hồ sơ¹¹.

2.2. Phạm vi tham gia và quyền, nghĩa vụ của người được mời tham gia hòa giải nhân dân

- Dựa trên nhu cầu hòa giải một mâu thuẫn hay tranh chấp, với sự đồng ý của các bên liên quan, hòa giải viên có thể mời họ hàng, hàng xóm hay đồng nghiệp của các bên liên quan, những người với những kiến thức và kinh nghiệm chuyên môn và những cá nhân từ các tổ chức xã hội liên quan tham gia vào quá trình hòa giải. Các Ủy ban hòa giải nhân dân cần khuyến khích những cá nhân công bằng và tận tâm, những người hết lòng vì công tác hòa giải và những người nhận được sự tín nhiệm, đồng ý của người dân tham gia công tác hòa giải¹². Luật Hòa giải nhân dân của nước Cộng hòa Nhân dân Trung Quốc năm 2010 ***không quy định cụ thể về phạm vi tham gia và quyền lợi của người được mời tham gia hòa giải ở cơ sở*** mà chỉ xác định các vấn đề sau: Về đối tượng được mời gồm họ hàng, hàng xóm, đồng nghiệp, chuyên gia, tổ chức xã hội. Điều kiện tham gia là cần có sự đồng ý của các bên liên quan, có kiến thức, kinh nghiệm phù hợp. Lựa chọn phải đáp ứng sự công bằng, tận tâm, có uy tín và sự tín nhiệm của nhân dân.

- Phạm vi chi tiêu cho công tác hòa giải nhân dân theo “Quy định về phạm vi chi tiêu cho các khoản chi phí nghiệp vụ tư pháp” được sửa đổi bởi Bộ Tư pháp và Bộ Tài chính Trung Quốc về nhu cầu phát triển của công tác hòa giải nhân dân, phạm vi chi tiêu cho công tác hòa giải nhân dân bao gồm kinh phí cho các cơ quan quản lý tư pháp hướng dẫn công tác hòa giải nhân dân (kinh phí tuyên truyền cho công tác hòa giải nhân dân, kinh phí đào tạo, phí khen thưởng...), trợ cấp công tác cho các ủy ban hòa giải nhân dân (mua văn phòng phẩm, tài liệu, hồ sơ và giấy tờ...)

⁹ Điều 25 Luật Hòa giải nhân dân của nước Cộng hòa Nhân dân Trung Quốc năm 2010

¹⁰ Điều 26 Luật Hòa giải nhân dân của nước Cộng hòa Nhân dân Trung Quốc năm 2010

¹¹ Điều 27 Luật Hòa giải nhân dân của nước Cộng hòa Nhân dân Trung Quốc năm 2010

¹² Điều 20 Luật Hòa giải nhân dân của nước Cộng hòa Nhân dân Trung Quốc năm 2010

và trợ cấp cho các hòa giải viên (trợ cấp sinh hoạt trả cho các hòa giải viên để hòa giải tranh chấp)¹³.

- Ngoài ra, Trung Quốc không quy định tiêu chuẩn cố định trên toàn quốc về trợ cấp cho các hòa giải viên nhân dân, mức trợ cấp được quyết định bởi chính quyền địa phương dựa trên tình hình và nhu cầu thực tế của địa phương¹⁴.

Ví dụ tại thành phố Thâm Quyển, Trung Quốc quy định theo Điều 2 của “Quy chế quản lý quỹ công tác hòa giải nhân dân tại Thâm Quyển”, trợ cấp cho các Ủy ban hòa giải nhân dân và các hòa giải viên nhân dân được phân bổ cho các Ủy ban hòa giải nhân dân do các văn phòng phường, xã hoặc Ủy ban cư dân thành lập, cũng như các văn phòng hòa giải được cử đi và các văn phòng hòa giải cá nhân trực thuộc các ủy ban hòa giải nói trên. Tiêu chuẩn trợ cấp cụ thể cho từng trường hợp được phân loại thành bốn cấp độ dựa trên mức độ phức tạp của tranh chấp: tranh chấp đơn giản, tranh chấp thông thường, tranh chấp lớn và tranh chấp đặc biệt nghiêm trọng¹⁵:

(i) *Các vụ tranh chấp đơn giản*: Mức trợ cấp cho mỗi vụ không vượt quá 400 nhân dân tệ. Các vụ tranh chấp đơn giản thường đề cập đến các vụ việc có ít hơn 5 bên tham gia; các tranh chấp có giá trị thỏa thuận dưới 100.000 nhân dân tệ; các tranh chấp được thỏa thuận và thực hiện sau ít hơn 4 lần hòa giải; tranh chấp gia đình; tranh chấp hàng xóm; tranh chấp dân sự; tranh chấp sản xuất kinh doanh; các loại xung đột đơn giản khác.

(ii) *Các vụ tranh chấp thông thường*: Mức trợ cấp cho mỗi vụ không vượt quá 1.000 nhân dân tệ. Các vụ tranh chấp thông thường là các vụ việc có từ 5 đến 11 bên tham gia; các tranh chấp có thỏa thuận với số tiền từ 100.000 đến 500.000 nhân dân tệ; các tranh chấp liên quan đến quyền sở hữu đất đai, quyền sử dụng đường xá, quyền sử dụng nước... giữa các cộng đồng dân cư liền kề; các tranh chấp liên quan đến điều trị y tế, tai nạn lao động hoặc bồi thường tai nạn giao thông đường bộ.

(iii) *Tranh chấp lớn*: Mức trợ cấp cho mỗi vụ việc không vượt quá 2.000 nhân dân tệ. Tranh chấp lớn thường đề cập đến các tranh chấp liên quan đến 11 đến 31 bên; các tranh chấp có thỏa thuận với số tiền từ 500.000 nhân dân tệ đến 1.000.000 nhân dân tệ; các tranh chấp liên quan đến nhiều bên cùng khởi kiện ở cấp thành phố, tỉnh hoặc Bắc Kinh; các tranh chấp vượt qua ranh giới quận hoặc đường phố.

(iv) *Tranh chấp đặc biệt nghiêm trọng*: Mức trợ cấp cho mỗi trường hợp không vượt quá 4.000 nhân dân tệ. Tranh chấp đặc biệt nghiêm trọng thường đề cập đến các trường hợp có từ 31 bên trở lên tham gia; tranh chấp có thỏa thuận vượt quá 1

¹³ Bộ Tư pháp, Bộ Tài chính, Ý kiến của Bộ Tài chính và Bộ Tư pháp về việc tăng cường hơn nữa đảm bảo nguồn kinh phí cho công tác hòa giải nhân dân (Văn bản Tài chính và Hành chính số 179 [2007]) <https://www.waizi.org.cn/law/15257.html> truy cập ngày 19 tháng 01 năm 2026

¹⁴ Điều 6 Luật Hòa giải nhân dân của Nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa năm 2010

¹⁵ Sở Tư pháp quận Nam Sơn, Giải thích “Quy định về quản lý quỹ công tác hòa giải nhân dân tại quận Nam Sơn, Thâm Quyển” https://www.sz.gov.cn/szzt2010/wgkzl/jcggk/jchggk/content/post_10906597.html truy cập ngày 19 tháng 01 năm 2026

triệu nhân dân tệ; tranh chấp liên quan đến các vấn đề chính sách hoặc lịch sử (như thu hồi và phá dỡ đất đai, đất rừng, tái phát triển đô thị, kỹ thuật đô thị) hoặc các lý do khác dẫn đến xung đột nhóm có tác động xã hội đáng kể; các tranh chấp phức tạp và khó giải quyết do cấp trên giao.

Một ví dụ khác tại quận Quân Sơn thuộc thành phố Nhạc Dương, tỉnh Hồ Nam xác định người được hưởng trợ cấp sinh hoạt phí cho hòa giải viên nhân dân là hòa giải viên nhân dân toàn thời gian hoặc bán thời gian ở tất cả các cấp của ủy ban hòa giải nhân dân (trừ cán bộ, nhân viên thuộc cơ quan nhà nước và các tổ chức công)¹⁶. Trợ cấp sinh hoạt cho các hòa giải viên nhân dân là 60 nhân dân tệ/người/tháng, được phân bổ hằng quý theo từng thị trấn (huyện) và xã¹⁷. Khi hòa giải viên nhân dân giải quyết thành công một tranh chấp lớn hoặc phức tạp, Cục Tư pháp quận sẽ cấp kinh phí vụ việc theo quy trình. Kinh phí cần thiết sẽ do Cục Tài chính quận phân bổ hằng quý và Cục Tư pháp quận cùng Cục Tài chính quận sẽ quyết toán vào cuối năm¹⁸...

2.3. Giá trị pháp lý của kết quả hòa giải thành

a) Thỏa thuận hòa giải

Về hình thức của thỏa thuận hòa giải, một bản thỏa thuận hòa giải bằng văn bản có thể được lập khi các bên liên quan đã đạt được một thỏa thuận sau quá trình hòa giải của ủy ban hòa giải nhân dân. Nếu các bên tin rằng họ không cần một bản thỏa thuận bằng văn bản, các bên có thể có một bản thỏa thuận miệng, trong trường hợp này các hòa giải viên nhân dân sẽ ghi lại nội dung của thỏa thuận miệng¹⁹.

Về nội dung của thỏa thuận, một bản thỏa thuận hòa giải bằng văn bản có thể bao gồm: (i) Các thông tin cơ bản về các bên liên quan; (ii) Các tình tiết chính của mâu thuẫn hay tranh chấp, vấn đề mâu thuẫn, và nghĩa vụ pháp lý của các bên liên quan; (iii) Các nội dung của bản thỏa thuận hòa giải đạt được giữa các bên liên quan, và phương thức, kỳ hạn hoàn thành thỏa thuận. Một bản thỏa thuận hòa giải bằng văn bản sẽ có hiệu lực từ ngày các bên liên quan ký, đóng dấu hoặc lăn vân tay vào bản thỏa thuận và các hòa giải viên nhân dân ký, đóng dấu của ủy ban hòa giải nhân dân vào văn bản. Mỗi bên liên quan sẽ giữ một bản và ủy ban hòa giải nhân dân sẽ

¹⁶ Điều 5 Thông báo của Văn phòng Tổng hợp Chính quyền Nhân dân quận Junshan, thành phố Yueyang, về việc ban hành các biện pháp thực thi đảm bảo kinh phí cho công tác hòa giải nhân dân tại quận Junshan (2024) https://www.junshan.gov.cn/73848/73855/content_1172779.html truy cập vào ngày 19 tháng 01 năm 2026.

¹⁷ Điều 6 Thông báo của Văn phòng Tổng hợp Chính quyền Nhân dân quận Junshan, thành phố Yueyang, về việc ban hành các biện pháp thực thi đảm bảo kinh phí cho công tác hòa giải nhân dân tại quận Junshan (2024) https://www.junshan.gov.cn/73848/73855/content_1172779.html truy cập vào ngày 19 tháng 01 năm 2026.

¹⁸ Điều 8 Thông báo của Văn phòng Tổng hợp Chính quyền Nhân dân quận Junshan, thành phố Yueyang, về việc ban hành các biện pháp thực thi đảm bảo kinh phí cho công tác hòa giải nhân dân tại quận Junshan (2024) https://www.junshan.gov.cn/73848/73855/content_1172779.html truy cập vào ngày 19 tháng 01 năm 2026.

¹⁹ Điều 28 Luật Hòa giải nhân dân của Nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa năm 2010

lưu giữ một bản. Một thỏa thuận hòa giải miệng có hiệu lực kể từ ngày các bên liên quan đạt được thỏa thuận đó²⁰.

Các bên liên quan bị ràng buộc bởi bản thỏa thuận hòa giải đạt được sau quá trình hòa giải bởi một Ủy ban hòa giải nhân dân, và các bên liên quan sẽ có trách nhiệm thực hiện những gì đã được thỏa thuận. Ủy ban hòa giải nhân dân theo dõi và giám sát việc thực hiện thỏa thuận hòa giải, thúc giục các bên liên quan tôn trọng những ràng buộc mà họ đã thỏa thuận²¹. Trường hợp trong quá trình thực hiện thỏa thuận hòa giải đã đạt được, các bên liên quan có mâu thuẫn đến việc thực hiện hoặc tranh chấp về nội dung của thỏa thuận hòa giải, thì họ có thể nộp đơn khởi kiện lên Tòa án nhân dân²².

b) Công nhận thỏa thuận hòa giải thành

Sau khi đã đạt được thỏa thuận hòa giải, các bên liên quan có thể cùng nộp đơn lên Tòa án nhân dân đề nghị xác nhận tư pháp sau 30 ngày kể từ ngày thỏa thuận hòa giải có hiệu lực, Tòa án nhân dân kịp thời kiểm tra bản thỏa thuận và công nhận tính hiệu lực của thỏa thuận. Thỏa thuận đã được Tòa án nhân dân công nhận tính hiệu lực, nếu một bên liên quan từ chối thực hiện hoặc không thực hiện thỏa thuận, bên tranh chấp còn lại có thể nộp đơn đề nghị buộc thực hiện thỏa thuận. Nếu Tòa án nhân dân xác nhận rằng thỏa thuận hòa giải là không hợp lệ, các bên liên quan có thể thay đổi bản thỏa thuận ban đầu hoặc thống nhất với nhau về một bản thỏa thuận mới thông qua quá trình hòa giải nhân dân, hoặc nộp đơn khởi kiện lên một Tòa án nhân dân²³.

2.4. Ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác hòa giải nhân dân

Luật Hòa giải nhân dân Trung Quốc năm 2010 chưa quy định về việc ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động hòa giải nhân dân. Tuy nhiên, Chính phủ cũng đưa các các chính sách thúc đẩy việc tích hợp hòa giải nhân dân với các công nghệ mới như thiết lập nền tảng hòa giải trực tuyến và hệ thống hòa giải thông minh để nâng cao hiệu quả, chất lượng hòa giải. Bên cạnh hòa giải trực tuyến và hòa giải thông minh, các hình thức hòa giải khác cũng đã xuất hiện trong thực tiễn hòa giải nhân dân một cách sáng tạo.

Ví dụ: Hòa giải trên thiết bị di động cho phép các hòa giải viên tiến hành hòa giải mọi lúc mọi nơi thông qua thiết bị di động và phần mềm ứng dụng để đáp ứng tốt hơn nhu cầu của các bên. Đồng thời, hòa giải hợp tác sẽ hình thành một nhóm hòa giải với nhiều hòa giải viên để cùng nhau đàm phán và đưa ra quyết định, điều này sẽ tăng tính công bằng và chuyên nghiệp của hòa giải. Ngoài ra, hòa giải tích

²⁰ Điều 29 Luật Hòa giải nhân dân của Nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa năm 2010

²¹ Điều 31 Luật Hòa giải nhân dân của Nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa năm 2010

²² Điều 32 Luật Hòa giải nhân dân của Nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa năm 2010

²³ Điều 33 Luật Hòa giải nhân dân của Nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa năm 2010

hợp các dịch vụ hòa giải vào các bối cảnh cụ thể như cộng đồng, doanh nghiệp và tổ chức cung cấp các giải pháp thiết thực hơn²⁴.

Một số khu vực đã thiết lập cửa sổ hòa giải một cửa, tất cả các khâu được xử lý tập trung và thực hiện giải quyết một lần. Điều này giúp nâng cao hiệu quả hòa giải một cách hiệu quả. Với sự hỗ trợ của công nghệ thông tin, nền tảng hòa giải điện tử được triển khai để đạt được sự kết hợp trực tuyến và trực tiếp, thuận tiện cho các bên đăng ký hòa giải và nộp tài liệu, nâng cao sự thuận tiện và hiệu quả của hòa giải²⁵.

Một số nơi đã nghiên cứu việc đưa vào sử dụng hệ thống quản lý thông tin vụ việc để thực hiện giám sát, thống kê và phân tích vụ việc theo thời gian thực, thuận tiện cho việc hướng dẫn và giám sát công tác hòa giải²⁶.

2.5. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức trong công tác hòa giải nhân dân

a) Nhà nước

Nhà nước khuyến khích và hỗ trợ công tác hòa giải nhân dân²⁷.

b) Tòa án nhân dân cấp cơ sở hay tổ chức an ninh công cộng

Đối với một mâu thuẫn có thể giải quyết được bằng hòa giải, Tòa án nhân dân cấp cơ sở hay tổ chức an ninh công cộng có liên quan khuyến cáo các bên liên quan rằng họ có thể yêu cầu một Ủy ban hòa giải nhân dân tiến hành hòa giải mâu thuẫn của họ trước khi thụ lý vụ việc²⁸. Các bên liên quan có thể cùng nộp đơn lên Tòa án nhân dân đề nghị xác nhận tư pháp sau 30 ngày kể từ ngày thỏa thuận hòa giải có hiệu lực, Tòa án nhân dân đó sẽ kịp thời kiểm tra bản thỏa thuận và công nhận tính hiệu lực của thỏa thuận²⁹. Đồng thời, các Tòa án nhân dân cấp cơ sở sẽ cung cấp các hướng dẫn cho các Ủy ban hòa giải nhân dân đối với các hoạt động hòa giải mâu thuẫn hay tranh chấp giữa mọi người³⁰.

c) Ủy ban hòa giải nhân dân

- Ủy ban hòa giải nhân dân không được yêu cầu các bên chi trả chi phí cho hoạt động hòa giải mâu thuẫn hay tranh chấp³¹.

- Dựa trên nhu cầu hòa giải một mâu thuẫn hay tranh chấp, một Ủy ban hòa giải nhân dân có thể chỉ định một hay hơn một hòa giải viên tham gia hòa giải, hoặc các bên liên quan có thể lựa chọn một hay hơn một hòa giải viên³². Các Ủy ban hòa giải nhân dân cần khuyến khích những cá nhân công bằng và tận tâm, những người hết

²⁴ Meng, Wenhui. "An Innovative Research on People's Mediation in Social Governance." *Law and Economy* vol. 2, no. 6 (2023): 24-28.

²⁵ Meng, Wenhui, *ibid*, tr.24-28.

²⁶ Meng, Wenhui, *ibid*, tr.24-28.

²⁷ Điều 6 Luật Hòa giải nhân dân của nước Cộng hòa Nhân dân Trung Quốc năm 2010

²⁸ Điều 18 Luật Hòa giải nhân dân của nước Cộng hòa Nhân dân Trung Quốc năm 2010

²⁹ Điều 33 Luật Hòa giải nhân dân của nước Cộng hòa Nhân dân Trung Quốc năm 2010

³⁰ Điều 5 Luật Hòa giải nhân dân của nước Cộng hòa Nhân dân Trung Quốc năm 2010

³¹ Điều 4 Luật Hòa giải nhân dân của nước Cộng hòa Nhân dân Trung Quốc năm 2010

³² Điều 19 Luật Hòa giải nhân dân của nước Cộng hòa Nhân dân Trung Quốc năm 2010

lòng vì công tác hòa giải và những người nhận được sự tín nhiệm đồng ý của người dân tham gia công tác hòa giải³³.

d) Cơ quan hành chính tư pháp trực thuộc Ủy ban Nhà nước và địa phương

- Cơ quan hành chính tư pháp trực thuộc Ủy ban Nhà nước chịu trách nhiệm trong việc hướng dẫn công tác hòa giải nhân dân trên phạm vi toàn quốc; cơ quan hành chính tư pháp địa phương trực thuộc các chính quyền nhân dân địa phương chịu trách nhiệm hướng dẫn công tác hòa giải nhân dân trên phạm vi khu vực quản lý hành chính của mình³⁴.

- Chính quyền nhân dân địa phương sẽ đảm bảo tài chính thích hợp cần thiết cho công tác hòa giải nhân dân; khen thưởng các Ủy ban hòa giải nhân dân và các hòa giải viên nhân dân đã có những đóng góp xuất sắc trên cơ sở những điều luật liên quan của nhà nước³⁵.

- Cơ quan hành chính tư pháp của chính quyền nhân dân xã chịu trách nhiệm thu thập số liệu thống kê về việc thiết lập các Ủy ban hòa giải nhân dân trong khu vực hành chính của mình và báo cáo cho các Tòa án nhân dân địa phương về thành phần trong các Ủy ban hòa giải nhân dân, các thành viên và bất kỳ sự thay đổi nào trong Ủy ban³⁶.

- Cơ quan hành chính tư pháp trực thuộc các chính quyền nhân dân cấp xã sẽ đào tạo, bồi dưỡng thường xuyên cho các hòa giải viên nhân dân³⁷.

e) Các hội đồng thôn, hội đồng các vùng lân cận sẽ thiết lập các Ủy ban hòa giải nhân dân, các tổ chức kinh tế và các học viện công

- Các Hội đồng thôn và Hội đồng các vùng lân cận sẽ thiết lập các Ủy ban hòa giải nhân dân.

- Các tổ chức kinh tế và các học viện công có quyền tự do thiết lập hoặc không thiết lập các Ủy ban hòa giải nhân dân dựa trên nhu cầu thực tế của các tổ chức này³⁸.

- Các Hội đồng thôn, Hội đồng các vùng lân cận, các tổ chức kinh tế và các học viện công sẽ tạo điều kiện làm việc và các điều kiện tài chính cần thiết cho các ủy ban hòa giải nhân dân để các ủy ban thực hiện tốt công tác hòa giải³⁹.

f) Các làng, xã, thị trấn, các tổ chức xã hội và các tổ chức khác

Nếu cần thiết, các làng, xã, thị trấn, các tổ chức xã hội và các tổ chức khác có thể thiết lập các Ủy ban hòa giải nhân dân theo những hướng dẫn trong Luật Hòa

³³ Điều 20 Luật Hòa giải nhân dân của Nước Cộng hòa Nhân dân Trung Quốc năm 2010

³⁴ Điều 5 Luật Hòa giải nhân dân của Nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa năm 2010

³⁵ Điều 6 Luật Hòa giải nhân dân của nước Cộng hòa Nhân dân Trung Quốc năm 2010

³⁶ Điều 10 Luật Hòa giải nhân dân của nước Cộng hòa Nhân dân Trung Quốc năm 2010

³⁷ Điều 14 Luật Hòa giải nhân dân của nước Cộng hòa Nhân dân Trung Quốc năm 2010

³⁸ Điều 8 Luật Hòa giải nhân dân của nước Cộng hòa Nhân dân Trung Quốc năm 2010

³⁹ Điều 12 Luật Hòa giải nhân dân của nước Cộng hòa Nhân dân Trung Quốc năm 2010

giải nhân dân để hòa giải mâu thuẫn giữa các bên⁴⁰. Điều này nhằm thúc đẩy xã hội hóa công tác hòa giải nhân dân và tạo nên sự đa dạng hóa các thiết chế giải quyết tranh chấp, tăng cường khả năng tiếp cận dịch vụ hòa giải cho nhân dân.

II. MÔ HÌNH HOÀ GIẢI CỘNG ĐỒNG TẠI SINGAPORE

Singapore là một trong số rất ít quốc gia xây dựng một thiết chế hòa giải cộng đồng chính thức, thống nhất trên toàn quốc và được điều chỉnh trực tiếp bằng pháp luật. Đạo luật về Trung tâm hòa giải cộng đồng (Đạo luật CMC) được ban hành năm 1997. Các Trung tâm hòa giải cộng đồng (CMC) do Bộ Tư pháp Singapore⁴¹ quản lý, phục vụ cho mục tiêu giải quyết tranh chấp xã hội, cộng đồng và tranh chấp mang tính quan hệ giữa cá nhân một cách hòa bình và phi đối kháng.

1. Cơ chế lựa chọn và trách nhiệm của đội ngũ hoà giải viên cộng đồng

a) Cơ chế lựa chọn đội ngũ hòa giải viên

- Hòa giải viên bao gồm Giám đốc của Trung tâm và bất kỳ người nào được bổ nhiệm theo quy định của Đạo luật⁴². Bộ trưởng là người bổ nhiệm Giám đốc cho mỗi Trung tâm Hòa giải Cộng đồng theo quy định tại Điều 4 của Đạo luật về Trung tâm hòa giải cộng đồng năm 1997: *“Bộ trưởng có thẩm quyền bổ nhiệm Giám đốc cho mỗi Trung tâm hòa giải cộng đồng; một nhân sự có thể được bổ nhiệm làm Giám đốc của nhiều trung tâm khác nhau”*.

- Bộ trưởng, dựa trên đề xuất của Giám đốc Trung tâm, có thể bổ nhiệm bất kỳ người nào làm hòa giải viên cho Trung tâm (ngoại trừ Giám đốc, do Giám đốc Trung tâm đã có tư cách hòa giải viên). Đồng thời, Bộ trưởng có quyền hủy bỏ việc bổ nhiệm một hòa giải viên *“(1) Trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Trung tâm Hòa giải Cộng đồng, Bộ trưởng có thẩm quyền bổ nhiệm bất kỳ cá nhân nào (ngoại trừ Giám đốc) làm hòa giải viên của Trung tâm và có quyền bãi nhiệm việc bổ nhiệm đó”*⁴³.

b) Quyền hạn của hòa giải viên

Về quy chế hoạt động, hòa giải viên được hưởng mức thù lao cụ thể theo quyết định của Bộ trưởng theo quy định khoản 2 Điều 8 của Đạo luật này *“(2) Hòa giải viên được bổ nhiệm theo khoản (1) có quyền được hưởng mức thù lao do Bộ trưởng quyết định”*, đi kèm với những bảo hộ pháp lý trong quá trình thực hiện nhiệm vụ. Cụ thể, hòa giải viên được hưởng quyền miễn trừ trách nhiệm pháp lý đối với các hành động hoặc sai sót cá nhân, miễn là những hành vi đó được thực hiện với thiện chí nhằm thực thi Đạo luật và không liên quan đến gian lận hay sai trái cố ý theo Điều 7 của Đạo luật này:

“Miễn trừ trách nhiệm pháp lý

⁴⁰ Điều 34 Luật Hòa giải nhân dân của nước Cộng hòa Nhân dân Trung Quốc năm 2010

⁴¹ Truy cập tại: <https://ask.gov.sg/mlaw/questions/cmff0tebnp015red2hz8x4ijos?from=search> truy cập ngày 11/04/2026

⁴² Điều 2 Đạo luật về các Trung tâm Hòa giải Cộng đồng năm 1997 truy cập tại: <https://sso.agc.gov.sg/Act/CMCA1997>

⁴³ Điều 8 Đạo luật về các Trung tâm Hòa giải Cộng đồng năm 1997

17. (1) Không một hành vi hoặc sự thiếu sót nào được thực hiện bởi:

(a) một hòa giải viên; hoặc

(b) một Giám đốc hoặc bất kỳ nhân viên, người lao động hay viên chức nào

của Trung tâm Hòa giải Cộng đồng, nếu hành vi hoặc sự thiếu sót đó được thực hiện với thiện chí nhằm mục đích thi hành các quy định của Đạo luật này và không liên quan đến bất kỳ sự gian lận hay hành vi sai trái cố ý nào, thì những người này sẽ không phải chịu bất kỳ vụ kiện, trách nhiệm pháp lý, khiếu nại hay yêu cầu bồi thường nào.”

Bên cạnh đó, nhằm đảm bảo tính riêng tư, hòa giải viên còn có đặc quyền bảo mật thông tin tương đương với các thủ tục tố tụng tư pháp về tội phỉ báng đối với mọi tài liệu và diễn biến phiên hòa giải “*Đặc quyền bảo mật thông tin... (1) Ngoại trừ các trường hợp quy định tại khoản (2), các đặc quyền miễn trừ đối với hành vi phỉ báng tương tự như trong tố tụng tư pháp và đối với các tài liệu trong tố tụng tư pháp cũng sẽ được áp dụng cho: (a) Các phiên hòa giải; hoặc (b) Các tài liệu hoặc tư liệu khác được gửi đến hoặc cung cấp cho Trung tâm Hòa giải Cộng đồng nhằm mục đích chuẩn bị và sắp xếp phiên hòa giải*”⁴⁴. Đồng thời, để bảo vệ tính độc lập của vai trò này, hòa giải viên không bị buộc phải hầu tòa hay cung cấp tài liệu của Trung tâm, trừ trường hợp cơ quan tư pháp xác định việc đó là cần thiết để đảm bảo sự công bằng hoặc giúp tiết kiệm chi phí giải quyết vụ việc⁴⁵.

Ngoài ra, hòa giải viên có quyền điều phối và quản lý sự tham gia của bên thứ ba trong phiên họp⁴⁶, hòa giải viên có quyền tự quyết định cách thức tiến hành phiên hòa giải, miễn là đảm bảo tính nhanh chóng và ít hình thức nhất có thể. Đồng thời, hòa giải viên (cùng với Giám đốc và các bên) có quyền cho phép hoặc không cho phép những người không phải là bên tranh chấp có mặt hoặc tham gia phiên hòa giải. Một phiên hòa giải có thể bị chấm dứt bất cứ lúc nào bởi hòa giải viên hoặc Giám đốc⁴⁷.

Đáng chú ý, với hòa giải viên là giám đốc thì còn có quyền như một công chức “22. *Giám đốc và tất cả các thành viên của đội ngũ nhân viên, người lao động và cán bộ của Trung tâm Hòa giải Cộng đồng đều được coi là công chức theo quy định của Bộ luật Hình sự năm 1871*”⁴⁸. Vì Giám đốc trung tâm là một hòa giải viên, nên Giám đốc đương nhiên có tư cách công chức khi thực hiện các hoạt động hòa giải.

c) Nghĩa vụ của hòa giải viên

Hòa giải viên phải tuân thủ các điều khoản của bất kỳ Bộ Quy tắc ứng xử nào do Bộ trưởng phê duyệt theo khoản 2 Điều 8 của Đạo luật này “(2) *Hòa giải viên*

⁴⁴ Khoản 1 Điều 19 Đạo luật về các Trung tâm Hòa giải Cộng đồng năm 1997

⁴⁵ Điều 18 Đạo luật về các Trung tâm Hòa giải Cộng đồng năm 1997

⁴⁶ Khoản 5 Điều 10 Đạo luật về các Trung tâm Hòa giải Cộng đồng năm 1997

⁴⁷ Khoản 4 Điều 9 Đạo luật về các Trung tâm Hòa giải Cộng đồng năm 1997

⁴⁸ Điều 22 Đạo luật về các Trung tâm Hòa giải Cộng đồng năm 1997

được bổ nhiệm theo khoản (1) được quyền hưởng thù lao theo mức do Bộ trưởng quyết định, đồng thời phải tuân thủ các điều khoản trong Bộ Quy tắc Ứng xử do Bộ trưởng phê duyệt”.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Đạo luật này: “(2) Mỗi phiên hòa giải phải được thực hiện bởi một hoặc nhiều hòa giải viên do Giám đốc phân công cho mục đích đó”, hòa giải viên có trách nhiệm thực hiện các phiên hòa giải được Giám đốc phân công. Các phiên hòa giải phải được tiến hành nhanh chóng, ít hình thức và kỹ thuật nhất có thể “(2) Các phiên hòa giải phải được tiến hành với thủ tục đơn giản nhất, ít mang tính kỹ thuật nhất và nhanh chóng nhất có thể”⁴⁹.

Hòa giải viên không được tiết lộ thông tin thu được trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, trừ một số trường hợp ngoại lệ theo Điều 20 của Đạo luật này như: Có sự đồng ý của người cung cấp thông tin; để ngăn chặn nguy cơ gây thương tích cho người khác hoặc thiệt hại tài sản; khi có lệnh của Tòa án hoặc yêu cầu của pháp luật...

Đối với các trường hợp được chuyển giao từ Thẩm phán hoặc các cơ quan khác, hòa giải viên phải ghi chép và thông báo kết quả hòa giải cho cơ quan đã chuyển giao vụ việc đó “(3) Trong trường hợp Thẩm phán chuyển hồ sơ vụ việc theo Điều này, hòa giải viên của Trung tâm Hòa giải Cộng đồng phải ghi nhận và thông báo kết quả hòa giải cho Thẩm phán để Thẩm phán có căn cứ thực hiện các bước tiếp theo mà mình cho là phù hợp theo các quy định của Bộ luật Tổ tụng Hình sự năm 2010”⁵⁰.

Đáng chú ý, với một khiếu nại được người có thẩm quyền chuyển đến hòa giải viên của Trung tâm Hòa giải Cộng đồng theo quy định tại Điều 18A của Đạo luật Tòa án giải quyết các khiếu nại nhỏ năm 1984, hòa giải viên phải ghi lại và thông báo kết quả cho người có thẩm quyền là Thư ký Tòa án hoặc Hội đồng xét xử theo Điều 15A của Đạo luật này: “(1)...a) Bên khiếu nại có nghĩa vụ tham gia hòa giải theo Điều đó có thể tự mình tham dự hoặc thông qua người đại diện được phép theo quy định tại Điều 23(2) của Đạo luật nêu trên; và (b) Hòa giải viên phải ghi nhận và thông báo kết quả hòa giải cho người có thẩm quyền đã chuyển vụ việc. (2) Trong Điều này, “người có thẩm quyền” được hiểu là Hội đồng xét xử hoặc Thư ký tòa theo định nghĩa tại Điều 2(1) của Đạo luật Tòa án giải quyết các khiếu nại nhỏ năm 1984.”.

Theo quy định Điều 15B của Đạo luật CMC, với vụ việc chuyển giao theo Đạo luật Giải quyết Tranh chấp Cộng đồng năm 2015, hòa giải viên phải ghi nhận và thông báo kết quả hòa giải cho người có thẩm quyền đã chuyển vụ việc theo Đạo luật Giải quyết Tranh chấp Cộng đồng năm 2015.

Ngoài ra, với hòa giải viên là giám đốc thì còn có nghĩa vụ của một công chức “22. Giám đốc và tất cả các thành viên của đội ngũ nhân viên, người lao động và cán bộ của Trung tâm Hòa giải Cộng đồng đều được coi là công chức theo quy định của Bộ luật Hình sự năm 1871”⁵¹.

⁴⁹ Khoản 2 Điều 10 Đạo luật về các Trung tâm Hòa giải Cộng đồng năm 1997

⁵⁰ Khoản 2 Điều 15 Đạo luật về các Trung tâm Hòa giải Cộng đồng năm 1997

⁵¹ Điều 22 Đạo luật về các Trung tâm Hòa giải Cộng đồng năm 1997

2. Phạm vi tham gia và quyền, nghĩa vụ của người được mời tham gia hòa giải cộng đồng

Người được mời là những người không phải bên tranh chấp. Họ có thể tham gia với tư cách là người hỗ trợ, người làm chứng hoặc người có quyền lợi liên quan... Những người không phải là bên tranh chấp chỉ được phép có mặt hoặc tham gia khi có sự cho phép của cả Giám đốc Trung tâm và các bên tranh chấp theo quy định tại khoản 5 Điều 10 Đạo luật này “(5) Các phiên hòa giải phải được tiến hành riêng tư (không công khai). Tuy nhiên, những người không phải là các bên tranh chấp có thể tham dự hoặc tham gia vào phiên hòa giải nếu được sự cho phép của Giám đốc và sự đồng ý của các bên liên quan”. Đáng chú ý với người được mời làm người đại diện, một bên tranh chấp không mặc nhiên được đại diện bởi một người khác trừ khi Giám đốc phê duyệt⁵²: Giám đốc chỉ phê duyệt nếu thấy rằng người đại diện đó sẽ giúp thúc đẩy việc hòa giải và có đủ kiến thức về vụ tranh chấp để đại diện hiệu quả...

Tuy nhiên, Theo Điều 15A của Đạo luật này, khi một khiếu nại được chuyển giao đã được chuyển đến hòa giải viên của Trung tâm Hòa giải cộng đồng theo quy định tại Điều 18A của Đạo luật Tòa án giải quyết các khiếu nại nhỏ năm 1984, việc đại diện của các bên sẽ tuân thủ theo Điều 23(2) của Đạo luật Tòa án giải quyết các khiếu nại nhỏ 1984 thay vì tuân theo quy trình phê duyệt của Giám đốc Trung tâm hòa giải cộng đồng. Đồng thời, theo Điều 15B của Đạo luật CMC, khi một khiếu nại hoặc tranh chấp được chuyển giao từ các cơ quan có thẩm quyền theo Đạo luật giải quyết Tranh chấp cộng đồng năm 2015, các bên có thể trực tiếp tham gia hoặc thông qua một người đại diện theo quy định của chính Đạo luật giải quyết tranh chấp cộng đồng năm 2015.

Theo khoản 3 Điều 19 của Đạo luật này “(3) Các bằng chứng về bất kỳ nội dung nào đã phát biểu hoặc bất kỳ sự thừa nhận nào được đưa ra trong một phiên hòa giải đều không được chấp nhận làm chứng cứ trong bất kỳ thủ tục tố tụng nào trước tòa án, hội đồng xét xử hoặc cơ quan nào”. Những nội dung người được mời phát biểu hoặc thừa nhận trong phiên hòa giải không được chấp nhận làm bằng chứng tại bất kỳ Tòa án, cơ quan xét xử hay cơ quan hữu quan nào khác, trừ khi có sự đồng ý của tất cả các bên hoặc theo lệnh của Tòa án nhằm đảm bảo công bằng hoặc trong các thủ tục tố tụng được thiết lập liên quan đến chính hành vi mà trước đó đã phải tiết lộ thông tin để ngăn chặn nguy hiểm, cụ thể tại khoản 5 Điều 19 Đạo luật này quy định như sau:

“5) Các khoản (3) và (4) không áp dụng đối với bất kỳ bằng chứng hoặc tài liệu nào trong các trường hợp sau:

(a) Khi những người tham dự hoặc được nêu tên trong phiên hòa giải (và trong trường hợp là tài liệu, thì tất cả những người được nêu tên trong tài liệu đó) đồng ý cho phép sử dụng bằng chứng hoặc tài liệu đó;

⁵² Điều 14 Đạo luật về các Trung tâm Hòa giải Cộng đồng năm 1997

(b) Trong các thủ tục tố tụng được thiết lập liên quan đến bất kỳ hành vi hoặc sự thiếu sót nào mà việc tiết lộ thông tin đã được thực hiện theo quy định tại Điều 20(c); hoặc

(c) Nếu tòa án nhận thấy rằng, sau khi xem xét mọi tình tiết của vụ việc, việc chấp nhận bằng chứng hoặc tài liệu đó là cần thiết để giải quyết vụ việc một cách công bằng hoặc để tiết kiệm chi phí.”

Bên cạnh đó, theo Điều 14 của Đạo luật này, trong các vụ việc được chuyển giao từ Thẩm phán hoặc Tòa án, người đại diện phải có ủy quyền bằng văn bản từ bên tranh chấp. Người đại diện phải xác nhận bằng văn bản về việc sẵn lòng đại diện và có quyền thay mặt bên tranh chấp đồng ý với các điều khoản thỏa thuận. Đồng thời, khi phê duyệt người đại diện, Giám đốc có thể đưa ra các điều kiện hợp lý để đảm bảo bên tranh chấp còn lại không bị bất lợi đáng kể. Người được mời làm đại diện có nghĩa vụ tuân thủ các điều kiện này *“(3) Trong trường hợp Giám đốc phê duyệt việc đại diện một bên thông qua người ủy quyền, Giám đốc có thể đưa ra các điều kiện kèm theo mà Giám đốc cho là hợp lý nhằm đảm bảo rằng các bên khác trong phiên hòa giải không bị bất lợi đáng kể bởi sự xuất hiện của người đại diện đó; khi Giám đốc quyết định như vậy, tư cách đại diện của người ủy quyền chỉ được công nhận nếu họ tuân thủ đầy đủ các điều kiện đó”*⁵³. Người được mời còn có nghĩa vụ giữ bí mật, không được tiết lộ thông tin thu được trong quá trình thực thi Đạo luật, trừ các trường hợp như có sự đồng ý của người cung cấp thông tin, để ngăn chặn nguy cơ gây thương tích, thiệt hại tài sản hoặc theo lệnh của Tòa án⁵⁴.

3. Giá trị pháp lý của kết quả hòa giải thành

a) Việc lập thỏa thuận hòa giải

- Thỏa thuận hòa giải thành không mặc nhiên có hiệu lực nếu chỉ nói bằng miệng. Đạo luật quy định cụ thể như sau tại khoản 1 Điều 13: *“(1) Các điều khoản của bất kỳ thỏa thuận hoặc sự thống nhất nào đạt được tại phiên hòa giải, hoặc được lập căn cứ theo phiên hòa giải, phải được lập thành văn bản và được ký bởi hoặc thay mặt cho các bên tham gia phiên hòa giải nếu hòa giải viên thấy phù hợp”*.

Về hình thức văn bản, các điều khoản của bất kỳ thỏa thuận nào đạt được tại phiên hòa giải phải được lập thành văn bản. Văn bản thỏa thuận phải được ký bởi các bên tranh chấp hoặc người đại diện thay mặt cho các bên tham gia phiên hòa giải. Về thẩm quyền của hòa giải viên, hòa giải viên sẽ là người quyết định việc lập văn bản này nếu họ thấy điều đó là phù hợp.

b) Điều kiện để thỏa thuận có tính chất ràng buộc

Để một thỏa thuận hòa giải có giá trị pháp lý ràng buộc các bên⁵⁵, nội dung nêu rõ: *“(2) Thỏa thuận hoặc sự thống nhất sẽ không có giá trị ràng buộc đối với các*

⁵³ Khoản 3 Điều 14 Đạo luật về các Trung tâm Hòa giải Cộng đồng năm 1997

⁵⁴ Điều 20 Đạo luật về các Trung tâm Hòa giải Cộng đồng năm 1997

⁵⁵ Điều 13 Đạo luật về các Trung tâm Hòa giải Cộng đồng năm 1997

bên tham gia phiên hòa giải trừ khi thỏa thuận đó đã được lập thành văn bản kèm theo một tuyên bố được ký bởi hoặc thay mặt cho các bên về hiệu lực này”.

Về tính bắt buộc của văn bản, không có thỏa thuận nào có giá trị ràng buộc trừ khi nó được lập thành văn bản. Văn bản đó phải đi kèm với một tuyên bố có chữ ký của các bên (hoặc đại diện được ủy quyền bởi các bên) về việc đồng ý với các nội dung đó.

c) Giá trị trong mối quan hệ với hệ thống Tư pháp (Tòa án)

Đối với các vụ việc được Thẩm phán chuyển giao từ Tòa án sang Trung tâm hòa giải cộng đồng “(3) Trong trường hợp được Thẩm phán chuyển vụ việc theo Điều này, hòa giải viên của Trung tâm hòa giải cộng đồng phải ghi nhận và thông báo kết quả hòa giải cho Thẩm phán để Thẩm phán có thể thực hiện bất kỳ bước xử lý tiếp theo nào mà Thẩm phán cho là phù hợp theo các quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2010”⁵⁶, hòa giải viên phải ghi lại kết quả hòa giải (thành hoặc không thành) và thông báo cho Thẩm phán, thẩm phán sẽ dựa trên kết quả hòa giải để thực hiện các bước tiếp theo phù hợp với Bộ luật tố tụng hình sự (định chỉ vụ việc nếu hòa giải thành).

4. Ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác hòa giải cộng đồng

Đạo luật CMC cho phép các phiên hòa giải được tiến hành thông qua môi trường điện tử, hội nghị truyền hình hoặc các phương tiện điện tử khác “(b) Trường hợp hòa giải qua giao tiếp điện tử, hội nghị truyền hình hoặc các phương thức điện tử khác, phiên hòa giải phải được tiến hành vào thời gian và theo đúng phương thức được ấn định trong lệnh của Thẩm phán”⁵⁷. Trong trường hợp Thẩm phán ra lệnh chuyển giao một vụ việc sang Trung tâm hòa giải, Thẩm phán có quyền yêu cầu các bên tham gia phiên hòa giải bằng các phương tiện điện tử. Lệnh của Thẩm phán sẽ xác định cụ thể thời gian và phương thức điện tử cần sử dụng để tiến hành phiên hòa giải.

Về việc lưu trữ và cung cấp hồ sơ, Giám đốc Trung tâm có trách nhiệm đảm bảo các hồ sơ liên quan đến hoạt động của Trung tâm được thực hiện và lưu trữ đầy đủ để phục vụ việc đánh giá hoạt động. Trong trường hợp có yêu cầu của Tòa án về việc cung cấp tài liệu, Trung tâm có thể tuân thủ bằng cách cung cấp các bản sao chứng thực của các hồ sơ hoặc tài liệu đó.

Tóm lại, Đạo luật CMC cho phép sử dụng các nền tảng công nghệ để tổ chức hòa giải từ xa nhằm đảm bảo tính nhanh chóng và hiệu quả, đồng thời các hồ sơ tài liệu có thể được sao chép và chứng thực để phục vụ các thủ tục pháp lý khi cần thiết. Do đó với vụ việc hòa giải không theo lệnh của Tòa án, thủ tục để bắt đầu và tiến hành một phiên hòa giải tại Trung tâm sẽ do Giám đốc quyết định, đối với các vụ việc tự nguyện (không theo lệnh Tòa án), việc có tổ chức trên môi trường điện tử hay không

⁵⁶ Khoản 3 Điều 15 Đạo luật về các Trung tâm Hòa giải Cộng đồng năm 1997

⁵⁷ Khoản 2 Điều 15 Đạo luật về các Trung tâm Hòa giải Cộng đồng năm 1997

sẽ phụ thuộc vào quy trình do Giám đốc Trung tâm ấn định và sự đồng thuận của các bên tham gia sao cho phiên hòa giải diễn ra với ít thủ tục, nhanh chóng⁵⁸.

5. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức trong công tác hòa giải cộng đồng

a) Trách nhiệm của cơ quan Nhà nước

- Bộ trưởng: Quyết định thành lập các Trung tâm hòa giải cộng đồng (CMC) tại các địa điểm cụ thể thông qua lệnh đăng trên Công báo⁵⁹; bổ nhiệm Giám đốc cho mỗi Trung tâm và bổ nhiệm đội ngũ hòa giải viên dựa trên đề xuất của Giám đốc⁶⁰; tổ chức thực hiện việc đánh giá hoạt động của các Trung tâm theo định kỳ để đảm bảo hiệu quả của công tác hòa giải⁶¹; quy định về quy trình thực hành, đào tạo, cấp chứng chỉ cho hòa giải viên và các vấn đề cần thiết khác để thực thi Đạo luật⁶²; phê duyệt các Quy tắc ứng xử để điều chỉnh hành vi của hòa giải viên⁶³.

- Giám đốc Trung tâm: Chịu trách nhiệm vận hành, quản lý và cung cấp dịch vụ hòa giải của Trung tâm; có quyền quyết định chấp nhận hoặc từ chối một vụ việc đưa vào hòa giải; phân công một hoặc nhiều hòa giải viên phù hợp cho từng phiên hòa giải cụ thể; quyết định về thủ tục tiến hành, cho phép người thứ ba tham gia và có quyền chấm dứt phiên hòa giải bất cứ lúc nào nếu thấy cần thiết⁶⁴.

b) Trách nhiệm của Tòa án nhân dân, Thẩm phán

Thẩm phán có trách nhiệm xem xét bản chất vụ án và thái độ các bên để chuyển giao các vụ việc phù hợp sang hòa giải nhằm giải quyết mâu thuẫn một cách nhân văn và hiệu quả hơn; sau khi nhận báo cáo từ Trung tâm, Thẩm phán có trách nhiệm đưa ra các bước xử lý tiếp theo phù hợp với Bộ luật tố tụng hình sự; Thẩm phán cũng có quyền ra lệnh bắt buộc các bên phải tham dự phiên hòa giải⁶⁵.

Theo Điều 15A và Điều 15B của Đạo luật CMC, Tòa án giải quyết các khiếu nại nhỏ và Tòa giải quyết tranh chấp cộng đồng chuyển giao các hồ sơ tranh chấp thuộc thẩm quyền sang Trung tâm hòa giải theo các quy định chuyên ngành tương ứng.

c) Trách nhiệm của các Tổ chức là bên tranh chấp

Theo Điều 14, 15A của Đạo luật CMC, đối với một tổ chức (pháp nhân, cơ quan nhà nước, hiệp hội) là bên tranh chấp tham gia vào quá trình hòa giải thì có trách nhiệm cử viên chức, nhân viên hoặc người quản lý có đủ thẩm quyền và kiến thức về vụ việc để tham gia phiên hòa giải. Trong các vụ việc do Tòa án chuyển

⁵⁸ Khoản 1 Điều 10, Điều 12 Đạo luật về các Trung tâm Hòa giải Cộng đồng năm 1997

⁵⁹ Điều 3 Đạo luật về các Trung tâm Hòa giải Cộng đồng năm 1997

⁶⁰ Điều 4, Điều 8 Đạo luật về các Trung tâm Hòa giải Cộng đồng năm 1997

⁶¹ Điều 16 Đạo luật về các Trung tâm Hòa giải Cộng đồng năm 1997

⁶² Điều 23 Đạo luật về các Trung tâm Hòa giải Cộng đồng năm 1997

⁶³ Điều 8 Đạo luật về các Trung tâm Hòa giải cộng đồng năm 1997

⁶⁴ Điều 9, 10 Đạo luật về các Trung tâm Hòa giải cộng đồng năm 1997

⁶⁵ Điều 15 Đạo luật Trung tâm Tư pháp Cộng đồng năm 1983 truy cập tại:

<https://legislation.nsw.gov.au/view/whole/html/inforce/2004-02-16/act-1983-179>

giao, tổ chức phải cung cấp văn bản ủy quyền cho người đại diện để người này có quyền ký kết các thỏa thuận thay mặt cho tổ chức.

III. HỘI ĐỒNG HÒA GIẢI TẠI SRI LANKA

Đạo luật Hội đồng Hòa giải số 72 năm 1988 được sửa đổi năm 1997, 2011, 2016, 2024 (Đạo luật số 72/1988)⁶⁶ đã quy định việc thành lập các Hội đồng Hòa giải. Ngay sau khi luật này có hiệu lực, các kế hoạch đã được triển khai để thiết lập hệ thống Hội đồng hòa giải trên phạm vi toàn quốc, bao phủ hầu hết các đơn vị hành chính cấp huyện. Đặc biệt, sự ra đời của các hội đồng này đã tạo cơ hội thuận lợi để giải quyết nhanh chóng các tranh chấp nhỏ, đóng vai trò là một cơ chế giải quyết tranh chấp hiệu quả thay thế cho việc kiện tụng tại Tòa án.

Hiện nay, có 329 Hội đồng hòa giải trên khắp cả nước, với khoảng 8.266 hòa giải viên đang hỗ trợ người dân trên tinh thần tự nguyện, giúp các bên đạt được thỏa thuận cho những tranh chấp mà có thể đã kéo dài nhiều năm⁶⁷.

Hòa giải là bắt buộc như một điều kiện tiên quyết trước khi đưa vụ việc ra tòa án đối với các tranh chấp nhỏ theo quy định tại Điều 7. Đối với các vụ việc liên quan đến tài sản, nợ hoặc thiệt hại có giá trị không quá 1 triệu rupee, Tòa án sẽ không thụ lý nếu không có Chứng nhận không thể hòa giải. Với tội phạm nhỏ, các tội danh ít nghiêm trọng được liệt kê trong Phụ lục thứ hai cũng bắt buộc phải qua bước hòa giải này. Luật pháp buộc người dân phải nỗ lực giải quyết mâu thuẫn thông qua hòa giải trước khi sử dụng đến quyền lực tư pháp. Điều này giúp giảm tải áp lực cho Tòa án.

Đạo luật này điều chỉnh hoạt động hòa giải có tính chất cộng đồng theo quy định tại điều 4 và điều 5, hoạt động hòa giải được tổ chức theo các “Khu vực Hội đồng hòa giải” cụ thể. Những người được chọn vào danh sách hòa giải viên thường là người cư trú hoặc làm việc ngay tại khu vực đó, giúp họ hiểu rõ bối cảnh và văn hóa địa phương để giải quyết mâu thuẫn tốt hơn.

1. Cơ chế lựa chọn và trách nhiệm của hòa giải viên

a) Cơ chế lựa chọn

Theo Điều 2, Ủy ban gồm 5 thành viên do Tổng thống bổ nhiệm, trong đó có 2 người từng là thẩm phán Tòa án Tối cao, Tòa án Phúc thẩm hoặc Tòa án Thượng thẩm; 3 người còn lại phải là luật sư có ít nhất 15 năm kinh nghiệm, hoặc là công chức cấp cao đã nghỉ hưu, hoặc người quản lý ở khu vực tư nhân có kinh nghiệm về hòa giải.

⁶⁶ Truy cập tại: <https://www.parliament.lk/en/business-of-parliament/acts-listing?keyword=mediation&page=2>; <https://www.parliament.lk/en/business-of-parliament/act-details/G3492>; <https://www.parliament.lk/en/business-of-parliament/act-details/G5819>; <https://www.parliament.lk/en/business-of-parliament/act-details/G6012>; <https://www.parliament.lk/en/business-of-parliament/act-details/G6322> truy cập ngày 11/04/2026

⁶⁷ Bộ Tư pháp Sri Lanka. Ủy ban các Hội đồng Hòa giải. Truy cập tại: <https://www.moj.gov.lk/index.php/en/departments-institutes/institutions/mediation-boards-commission?highlight=WYJtZWRpYXRpb24iXQ==> truy cập ngày 11/04/2026

Về tính đại diện, Tổng thống phải đảm bảo thành phần Ủy ban phản ánh được tính đa nguyên của xã hội Sri Lanka. Điều này có nghĩa là Ủy ban không được chỉ tập trung vào một nhóm duy nhất mà phải đại diện cho các sắc tộc, tôn giáo và các tầng lớp khác nhau trong xã hội.

Các thành viên có nhiệm kỳ 3 năm, thành viên có thể bị bãi nhiệm nếu vắng mặt không có lý do chính đáng trong 3 cuộc họp liên tiếp của Ủy ban. Tổng thống có quyền bãi nhiệm Chủ tịch hoặc bất kỳ thành viên nào mà không cần nêu lý do.

b) Quyền của hòa giải viên

Theo các Điều 16, 19, 20, khi thực hiện nhiệm vụ, các thành viên Ban Hòa giải được coi là “công chức” theo Bộ luật Hình sự. Mọi quy trình diễn ra trước Ban Hòa giải được coi là “quy trình tư pháp”. Ban Hòa giải có quyền yêu cầu sự hỗ trợ cán bộ cấp làng/khu phố để chuyển giao các thông báo đến các bên. Hòa giải viên trưởng được quyền thay mặt Ban ký tên vào các văn bản thỏa thuận, báo cáo Tòa án và các chứng nhận không hòa giải thành. Chủ tịch và các thành viên Ban Hòa giải sẽ được trả các khoản phụ cấp theo tỷ lệ và điều kiện do Bộ trưởng quy định với sự đồng ý của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Ban Hòa giải được coi là một tổ chức thuộc phạm vi điều chỉnh của Đạo luật Chống hối lộ. Mọi hành vi hoặc quy trình của Ban sẽ không bị coi là vô hiệu chỉ vì có sai sót trong việc thành lập Ban. Các tuyên bố đưa ra trước Ban Hòa giải được hưởng các đặc quyền như nhân chứng trước Tòa và không được dùng làm bằng chứng trong các vụ kiện dân sự hoặc hình sự sau đó.

c) Nghĩa vụ của hòa giải viên

Theo Điều 10, hòa giải viên có nghĩa vụ sử dụng mọi biện pháp hợp pháp để nỗ lực đưa các bên tranh chấp đến một thỏa thuận và giảm thiểu sự bất bình, mâu thuẫn nhằm ngăn chặn mâu thuẫn tái diễn; thông báo cho các bên tranh chấp và những người liên quan khác có mặt tại buổi hòa giải; yêu cầu những người được thông báo sử dụng nhân chứng hoặc tài liệu có thể hỗ trợ các bên đạt được thỏa thuận; phải hoàn thành các bước hòa giải hoặc xử lý kết quả trong vòng 30 ngày kể từ khi thành lập Ban Hòa giải.

2. Về người được mời hỗ trợ hoạt động hòa giải ở cơ sở

Tại Điều 19, cán bộ cấp làng/khu phố có nghĩa vụ hỗ trợ Ban Hòa giải trong việc chuyển giao các thông báo đến các bên tranh chấp hoặc những người khác được mời tham dự. Đồng thời, Ban Hòa giải có nhiệm vụ thông báo cho các bên tranh chấp và “bất kỳ người nào khác mà Ban thấy cần thiết” phải có mặt tại phiên hòa giải theo Điều 10.

Mặc dù luật sư không được phép tham gia, nhưng các đối tượng hỗ trợ thay mặt cho các bên được quy định tại Điều 15 có thể tham gia: Vợ hoặc chồng được phép

đại diện cho nhau; cha mẹ, người giám hộ hoặc người quản lý tài sản được phép đại diện cho người vị thành niên hoặc người có khuyết tật.

3. Về giá trị pháp lý của kết quả hòa giải thành

Theo Điều 11, khi đạt được thỏa thuận, hòa giải viên trưởng phải lập văn bản các điều khoản, ký tên cùng các bên và cấp bản sao cho các bên (hoặc gửi cho Tòa án nếu vụ việc do Tòa án chuyển đến). Trong các vụ việc do Tòa án chuyển đến, sau khi nhận được bản sao thỏa thuận và thông báo cho các bên, Tòa án sẽ ban hành một bản án phù hợp với nội dung thỏa thuận đó. Bên cạnh đó, Điều 18 quy định khi một tội phạm (thuộc danh mục tại Phụ lục thứ hai) được hòa giải thành công, tội phạm đó được coi là đã được hòa giải theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Điều này có nghĩa là vụ việc hình sự đó chính thức kết thúc. Về việc giải quyết vi phạm thỏa thuận hòa giải tại Điều 14, nếu một bên vi phạm thỏa thuận đã ký, hòa giải viên phải triệu tập lại các bên để cố gắng giải quyết các khác biệt mới phát sinh hoặc cấp chứng nhận không thành nếu không thể giải quyết tiếp.

Về việc xử lý khi hòa giải không thành theo Điều 12, hòa giải viên trưởng có nghĩa vụ cấp chứng nhận không thể hòa giải hoặc báo cáo cho Tòa án nếu: Một bên không xuất hiện sau 2 lần thông báo liên tiếp hoặc sau 3 tháng nộp đơn; các bên không đồng ý với thỏa thuận; một bên yêu cầu cấp chứng nhận sau khi hết thời hạn 3 tháng.

Theo Điều 16, mọi tuyên bố đưa ra trước Ban Hòa giải đều được hưởng đặc quyền như nhân chứng tại Tòa án và không được phép sử dụng làm bằng chứng trong bất kỳ quy trình tố tụng dân sự hay hình sự nào khác. Khoảng thời gian từ khi nộp đơn hòa giải đến khi kết thúc quy trình (bao gồm cả khi đạt được thỏa thuận) sẽ không bị tính vào thời hiệu của vụ kiện, đảm bảo quyền lợi khởi kiện của các bên không bị ảnh hưởng nếu sau đó thỏa thuận không được thực thi.

4. Trách nhiệm các cơ quan, tổ chức trong công tác hòa giải ở cơ sở

4.1. Ủy ban Hội đồng Hòa giải

Đây là cơ quan quản lý có trách nhiệm điều hành toàn bộ hệ thống hòa giải: Ủy ban có quyền bổ nhiệm, điều chuyển, bãi miễn và thực hiện kiểm soát kỷ luật đối với các hòa giải viên; chịu trách nhiệm giám sát và kiểm soát việc thực hiện các nhiệm vụ, chức năng của hòa giải viên theo quy định của Đạo luật; Hướng dẫn nghiệp vụ, ban hành các chỉ dẫn cần thiết để các hòa giải viên thực hiện đúng vai trò của mình; Ủy ban thực hiện các bước cần thiết để bổ nhiệm Chủ tịch và Danh sách Hòa giải viên cho từng khu vực cụ thể.

4.2. Bộ trưởng và Tổng thống

Tổng thống có trách nhiệm bổ nhiệm 5 thành viên của Ủy ban, đảm bảo thành phần này phản ánh tính chất đa nguyên của xã hội Sri Lanka. Tổng thống cũng có quyền bãi nhiệm thành viên Ủy ban trong các trường hợp cụ thể.

Bộ trưởng có trách nhiệm xác định các Khu vực Hội đồng Hòa giải thông qua thông báo trên Công báo; ban hành các quy định về phí nộp đơn, tỷ lệ phụ cấp cho hòa giải viên và các vấn đề cần được quy định theo Đạo luật...

4.3. Ban Thư ký cấp Phân khu

Mỗi khu vực hòa giải có một cán bộ thuộc Ban Thư ký Phân khu để tiếp nhận đơn yêu cầu hòa giải. Cán bộ này có trách nhiệm duy trì tính bí mật, không được phép mở đơn yêu cầu trừ khi có sự cho phép bằng văn bản của Chủ tịch Hội đồng hòa giải viên.

4.4. Tòa án

Tòa án không được thụ lý các tranh chấp nhỏ (dưới 1 triệu Rupee) nếu không có chứng nhận hòa giải. Tòa án có trách nhiệm chuyển các vụ việc đủ điều kiện sang Hội đồng Hòa giải. Khi nhận được bản sao thỏa thuận hòa giải thành từ Ban Hòa giải, Tòa án có trách nhiệm thông báo cho các bên và ban hành một bản án theo đúng nội dung thỏa thuận đó.

4.5 Cán bộ cấp làng/khu phố

Có nghĩa vụ hỗ trợ Ban Hòa giải trong việc chuyển các thông báo triệu tập đến các bên tranh chấp hoặc những người liên quan trong khu vực quản lý của mình.

IV. NHỮNG VẤN ĐỀ KHUYẾN NGHỊ ĐỐI VỚI XÂY DỰNG, HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VỀ HOÀ GIẢI Ở CƠ SỞ TẠI VIỆT NAM

Dựa trên kết quả nghiên cứu kinh nghiệm hòa giải nhân dân của Trung Quốc, Singapore và Sri Lanka, một số khuyến nghị sau đây được tiếp thu có chọn lọc, và điều chỉnh phù hợp bản chất hoạt động hòa giải ở cơ sở tại Việt Nam nhằm xây dựng, hoàn thiện pháp luật về hòa giải ở cơ sở tại Việt Nam trong bối cảnh sửa đổi Luật Hòa giải ở cơ sở năm 2013.

1. Về cơ chế lựa chọn và nâng cao trách nhiệm của đội ngũ hoà giải viên ở cơ sở

- Bổ sung hình thức chỉ định hòa giải viên trong một số trường hợp nhất định nhằm bảo đảm kịp thời tổ chức hoạt động hòa giải ở cơ sở, đáp ứng yêu cầu thực tiễn và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của các bên liên quan, không làm ảnh hưởng đến nguyên tắc tự nguyện, dân chủ và quyền, lợi ích hợp pháp của các bên tham gia hòa giải (dựa trên kinh nghiệm từ mô hình của Singapore). Tại quốc gia này, mặc dù áp dụng việc chỉ định hòa giải viên nhưng vẫn đảm bảo nguyên tắc tự nguyện tham gia của các bên. Ngoài ra, pháp luật hòa giải có tính cộng đồng ở Sri Lanka cũng có cơ chế chỉ định, bổ nhiệm hòa giải viên, tuy nhiên tiêu chuẩn hòa giải viên cao và một số hoạt động hòa giải có tính bắt buộc. Do đó, về mặt nguyên tắc, việc áp dụng hình thức chỉ định bên cạnh bầu hòa giải viên ở cơ sở tại Việt Nam trong một số trường hợp nhất định nhằm bảo đảm kịp thời trong tổ chức hoạt động hòa

giải ở cơ sở, đáp ứng yêu cầu thực tiễn và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của các bên liên quan nhưng không làm ảnh hưởng đến nguyên tắc tự nguyện và dân chủ vốn là giá trị cốt lõi của hoạt động hòa giải ở cơ sở.

- Bổ sung quyền của hòa giải viên về việc mời người tham gia hỗ trợ hoạt động hòa giải (dựa trên kinh nghiệm quy định của Trung Quốc, Singapore).

- Từ kinh nghiệm quy định của Trung Quốc, Singapore, xem xét, nghiên cứu nghĩa vụ của hòa giải viên về ghi chép lại quá trình hòa giải, lập văn bản hòa giải (thành hoặc không thành); quy định trách nhiệm của hòa giải viên về cung cấp tài liệu cho Tòa án. Đây là căn cứ pháp lý quan trọng để Tòa án xem xét, ra quyết định công nhận kết quả hòa giải thành theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự, từ đó, nâng cao hiệu lực thi hành của các thỏa thuận và bảo vệ quyền lợi bền vững cho các bên tham gia.

2. Về hình thức tham gia và quyền, nghĩa vụ của người được mời tham gia hòa giải ở cơ sở

- Quy định về quyền, nghĩa vụ của người được mời tham gia hòa giải ở cơ sở và mức độ tham gia của đối tượng này (tham khảo kinh nghiệm của Singapore). Tuy nhiên, quốc gia này vẫn quy định chưa cụ thể, rõ ràng hình thức tham gia của người được mời. Do đó, so với quy định của Singapore, pháp luật Việt Nam cần quy định phạm vi tham gia, quyền lợi cũng như nghĩa vụ của người được mời cụ thể hơn không chỉ nhằm bảo vệ cho người được mời mà còn tạo hành lang pháp lý để đối tượng này thực hiện việc hỗ trợ hoạt động hòa giải hiệu quả.

- Bổ sung các nghĩa vụ về bảo mật thông tin, tính khách quan, trung thực và trách nhiệm về hồ sơ, tài liệu cung cấp cho Tòa án cũng cần được làm rõ.

3. Về đề nghị Tòa án công nhận kết quả hòa giải thành

Bổ sung quy định khuyến khích các bên yêu cầu Tòa án nhân dân có thẩm quyền ra quyết định công nhận kết quả hoà giải thành từ kinh nghiệm pháp luật Trung Quốc. Tuy nhiên, thời hạn yêu cầu Tòa án công nhận thỏa thuận hòa giải thành theo pháp luật Trung Quốc là sau 30 ngày kể từ ngày thỏa thuận hòa giải có hiệu lực.

Mặc dù quy định này nhằm tạo khoảng thời gian “mở” để các bên cân nhắc và tự nguyện thi hành. Việc quy định thời hạn sau 30 ngày các bên có quyền yêu cầu Tòa án công nhận nhằm tạo điều kiện các bên tự giác thực hiện thỏa thuận, nếu xét thấy cần thiết mới yêu cầu Tòa án ra quyết định công nhận. Tuy nhiên, việc này cũng có thể ảnh hưởng đến bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người dân, đồng thời làm giảm tính thu hút của phương thức hòa giải so với các thủ tục tố tụng trực tiếp tại Tòa án.

Do đó, pháp luật Việt Nam cần quy định theo hướng khuyến khích các bên yêu cầu Tòa án công nhận ngay khi có biên bản hòa giải thành để đảm bảo quyền lợi của các bên.

4. Về ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác hòa giải ở cơ sở

Bổ sung quy định thúc đẩy xây dựng các nền tảng hòa giải trực tuyến, bầu hòa giải viên trực tuyến; việc ứng dụng công nghệ thông tin giúp tăng tính thuận tiện và nhanh chóng (tham khảo từ kinh nghiệm thực tiễn của Trung Quốc và quy định pháp luật của Singapore). Pháp luật Việt Nam cần quy định thêm hình thức trực tuyến này để tạo cơ sở pháp lý cho việc ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác hòa giải ở cơ sở. Trong trường hợp, chính quyền cấp xã nhận thấy có thể thực hiện các hoạt động hòa giải trên môi trường mạng hoặc ứng dụng các nền tảng số trong quản lý hồ sơ hòa giải thì cần hỗ trợ hạ tầng kỹ thuật, thiết bị đầu cuối và hướng dẫn kỹ năng số cho hòa giải viên.

Tương tự như pháp luật của Singapore (với vụ việc hòa giải không theo lệnh của Tòa án), mặc dù đã quy định về hình thức hòa giải trực tuyến, tuy nhiên, pháp luật không bắt buộc mà vẫn tôn trọng sự tự nguyện của các bên và lựa chọn hình thức bảo đảm nhanh chóng, tiện lợi, ít thủ tục kỹ thuật. Học tập kinh nghiệm thực tiễn của Trung Quốc, như chính quyền tỉnh Chiết Giang đã thiết lập nền tảng hòa giải tranh chấp trực tuyến⁶⁸ để cung cấp các dịch vụ hòa giải; các bên có thể nộp đơn yêu cầu hòa giải, chọn hòa giải viên, tham gia qua video và ký thỏa thuận bằng điện thoại, máy tính bảng hoặc máy tính.

5. Về trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức trong công tác hòa giải ở cơ sở

Bổ sung quy định về việc chính quyền cấp xã có trách nhiệm tập huấn, nâng cao năng lực cho hòa giải viên ở cơ sở; bảo đảm kinh phí hoạt động, mua sắm trang thiết bị và khen thưởng kịp thời cho các cá nhân, tổ chức có đóng góp xuất sắc trong công tác hoà giải ở cơ sở và các hoà giải viên (tham khảo kinh nghiệm quy định từ pháp luật Trung Quốc về việc giao quyền cho cơ quan hành chính ở cơ sở thực hiện đào tạo, bồi dưỡng...). Điều này khẳng định sự đồng hành của chính quyền cấp cơ sở đối với hoạt động tự quản của nhân dân, góp phần giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội từ cơ sở.

Tóm lại, khi học hỏi kinh nghiệm quốc tế về hoàn thiện pháp luật về hòa giải ở cơ sở tại Việt Nam thì cần lựa chọn có chọn lọc và chỉnh sửa phù hợp. Bởi hòa giải ở cơ sở của Việt Nam phát sinh từ truyền thống văn hóa, nền văn minh lúa nước và tính cộng đồng làng xã. Do đó, việc tiếp thu kinh nghiệm quốc tế cần được đặt trong tổng thể hệ thống pháp luật để bảo đảm tính tương thích, cũng như không được làm thay đổi bản chất của công tác hòa giải ở cơ sở tại Việt Nam.

⁶⁸ Truy cập tại địa chỉ yundr.gov.cn.

Trên đây là Báo cáo nghiên cứu kinh nghiệm hòa giải ở một số quốc gia trên thế giới tương tự công tác hòa giải ở cơ sở của Việt Nam để phục vụ xây dựng Dự án Luật Hòa giải ở cơ sở (sửa đổi)/.

BỘ TƯ PHÁP